

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672001 - Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Châu Minh	Ngọc	3471010225	05/12/1992	,00	,00	,00	CT
2	Nguyễn Đức	Tài	3771020328	02/10/1994	5,30	2,40	3,30	
3	Huỳnh Văn	Luận	3771020705	19/05/1995	8,10	2,60	4,30	
4	Lê Trung	Phong	3771020709	27/03/1995	3,20	1,00	1,70	
5	Trần Duy	Quang	3771020714	12/01/1995	8,50	5,40	6,30	
6	Trần Huy	Hùng	3771020715	10/04/1995	5,70	2,80	3,70	
7	Võ Thái	Cường	3771020719	28/09/1995	3,80	,70	1,60	
8	Lê Quốc	Việt	3771020730	05/11/1995	8,60	,80	3,10	
9	Nguyễn Thị Thu	Hiền	3771020737	29/06/1995	,00	,00	,00	CT
10	Phạm Bá	Châu	3771020743	08/06/1995	5,60	6,70	6,40	
11	Nguyễn Khắc	Tú	3771020744	14/11/1994	4,80	,00	1,40	
12	Võ Quyền	Linh	3771020746	02/02/1994	8,50	,00	2,60	
13	Võ Trần Minh	Tài	3771020747	27/05/1994	4,00	1,60	2,30	
14	Phạm Văn	Thế	3771020748	01/04/1989	3,30	2,20	2,50	
15	Nguyễn Hoàng	Duy	3771020762	04/06/1995	,00	,00	,00	CT
16	Thuận Văn	Tiếp	3771020767	15/05/1993	5,80	2,50	3,50	
17	Lê Minh	Thà	3771020772	02/03/1991	,00	,00	,00	CT
18	Lê Đình	Vương	3771020774	16/06/1992	8,10	3,80	5,10	
19	Đào Duy	Lâm	3771020776	20/06/1995	8,70	2,00	4,00	
20	Văn Công Vũ	Bảo	3771020779	16/04/1995	7,10	6,20	6,50	
21	Nguyễn Thanh	Huy	3771020784	18/11/1995	8,40	2,00	3,90	
22	Võ Mạnh	Cường	3771020785	02/09/1993	6,30	4,80	5,30	
23	Trần Quang	Ngọc	3771020792	10/03/1995	6,60	,80	2,50	
24	Nguyễn Tấn	Thắng	3771020796	02/06/1995	10,00	7,10	8,00	
25	Lê Tuấn	Phương	3771020800	25/10/1995	,00	,00	,00	CT
26	Đỗ Thành	Tài	3771020801	18/09/1995	,00	,00	,00	CT
27	Lê Nhật	Quang	3771020804	12/02/1995	7,50	,30	2,50	
28	Lê Duy	Khánh	3771020807	23/05/1994	7,00	3,90	4,80	
29	Nguyễn Duy	Cường	3771020810	10/02/1995	6,50	1,70	3,10	
30	Lê Minh	Tường	3771020824	16/03/1995	9,00	5,60	6,60	
31	Nguyễn Khánh	Vinh	3771020826	28/06/1995	7,70	2,40	4,00	
32	Bùi Hữu	Tân	3771020831	13/04/1995	4,60	2,90	3,40	
33	Nguyễn Ngọc	Tân	3771020851	26/10/1995	7,50	4,90	5,70	
34	Trần Hường	Phước	3771021087	26/03/1994	,00	,00	,00	CT
35	Nguyễn Văn	Tư	3771021100	25/05/1995	5,00	1,00	2,20	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Trần Cao	Việt	3771021151	24/10/1995	4,00	3,20	3,40	
37	Lê Đăng	Từ	3771021165	17/12/1994	7,80	7,10	7,30	
38	Nguyễn Ngọc	Luận	3771021191	20/01/1994	7,40	2,90	4,30	
39	Trần Văn	Lợi	3771021211	04/10/1994	6,90	2,90	4,10	
40	Võ Duy	Tân	3771021228	10/01/1995	7,80	3,00	4,40	
41	Liêu Việt	Thành	3771021234	10/06/1993	10,00	9,40	9,60	
42	Hoàng Văn	Nam	3771021250	04/11/1992	,00	,00	,00	CT
43	Nguyễn Văn	Dũng	3771021253	05/05/1994	9,40	3,80	5,50	
44	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	3771021276	05/05/1995	6,80	4,30	5,10	
45	Trần Quốc	Triệu	3771021301	18/06/1995	8,70	5,80	6,70	
46	Phan Thanh	Đăng	3771021304	28/08/1995	6,90	2,20	3,60	
47	Trần Quốc	Tài	3771021325	22/11/1995	,00	,00	,00	
48	Võ Minh	Tân	3771021347	25/05/1995	3,10	,40	1,20	
49	Lê Văn	Hậu	3771021381	05/03/1995	6,90	,70	2,60	
50	Phạm Hữu	Hây	3771021404	09/09/1995	7,70	1,70	3,50	
51	Trần Đình	Sửu	3771021413	10/10/1994	,00			

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)